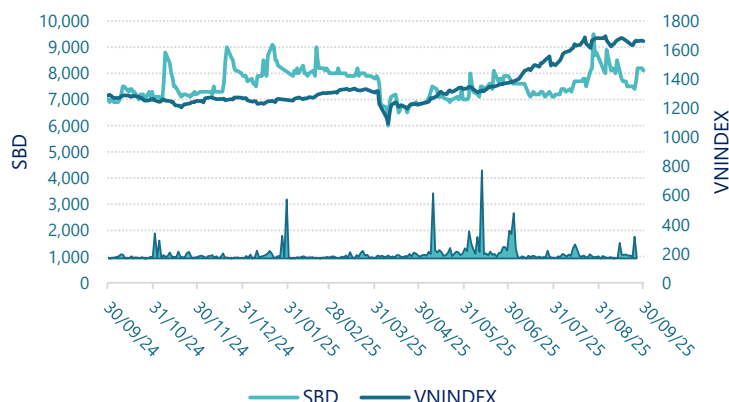


CTCP Công nghệ Sao Bắc Đẩu (UPCOM: SBD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	13,916,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,515
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	113
P/E	21.2
EPS	381

DT thuần

Q3/25

248

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 174 | 235%

YoY: ▲ 30.0 | 13.7%

LN sau thuế

Q3/25

21.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.9 | 234%

YoY: ▲ 0.50 | 2.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.2%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

9T 2025

479

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0 | 9.3%

LN sau thuế

9T 2025

3.61

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.27 | 171%

ROE

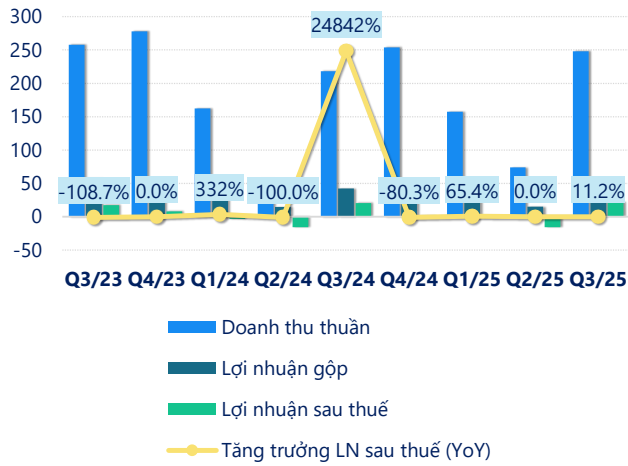
Q3/25

3.4%

+/- YoY: ▼ 2.6%

tỷ VNĐ

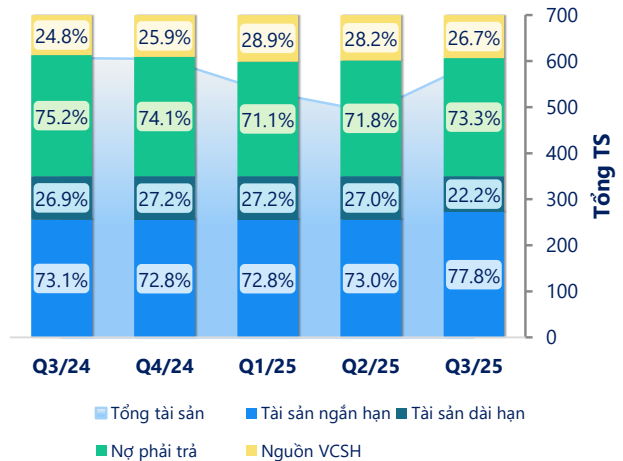
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

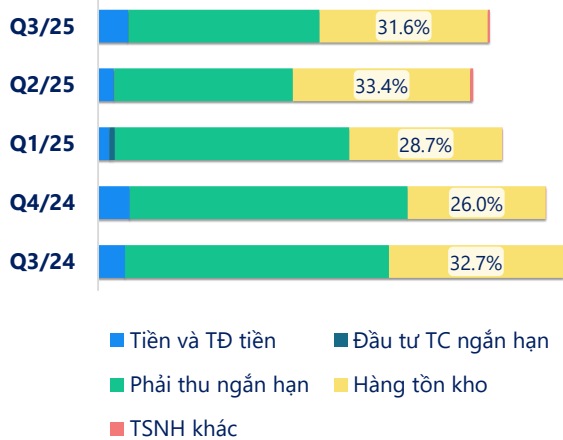
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



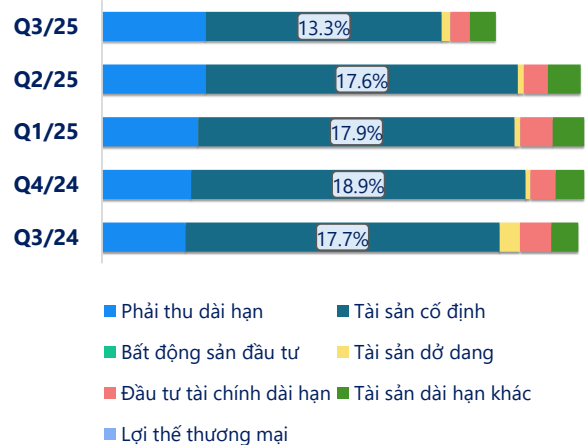
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

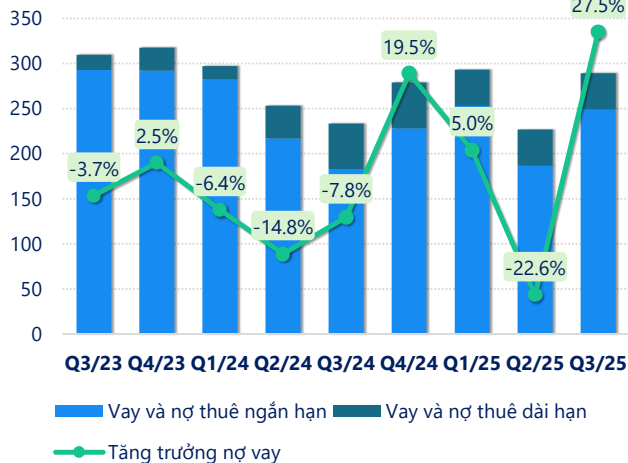
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

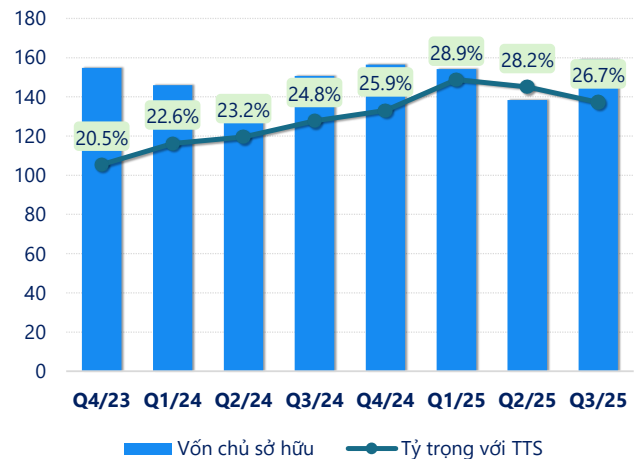
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

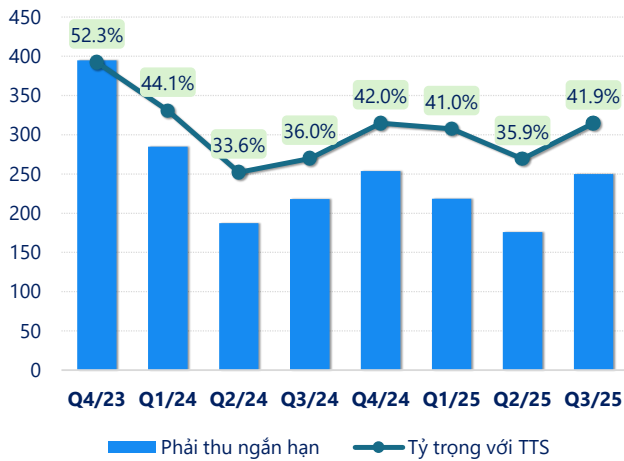
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



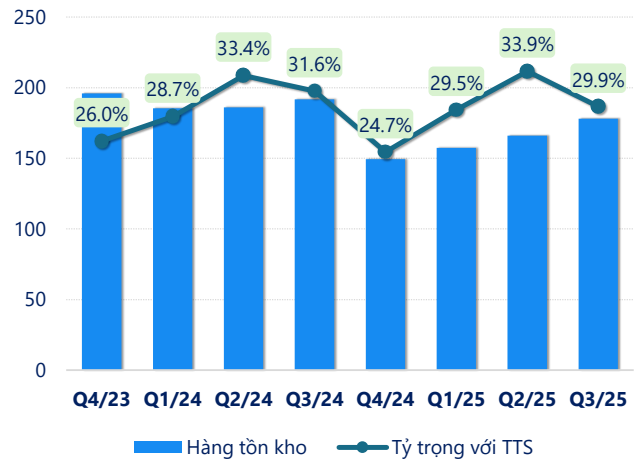
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


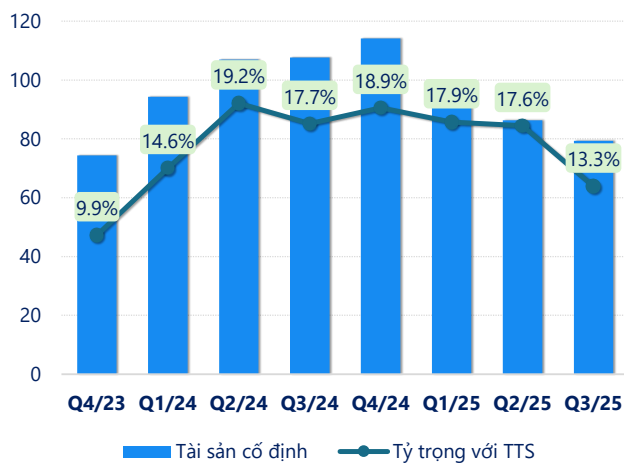
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


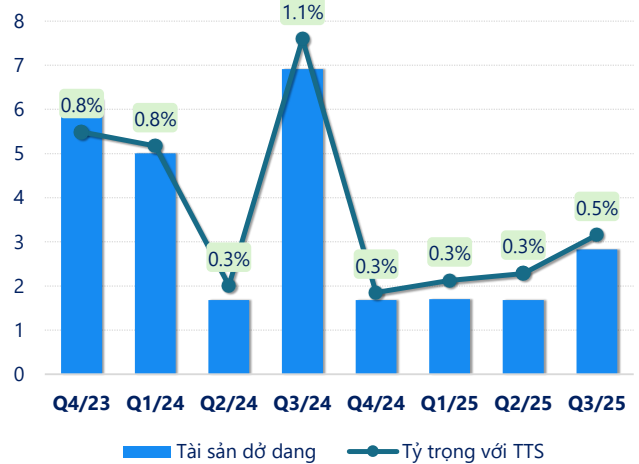
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

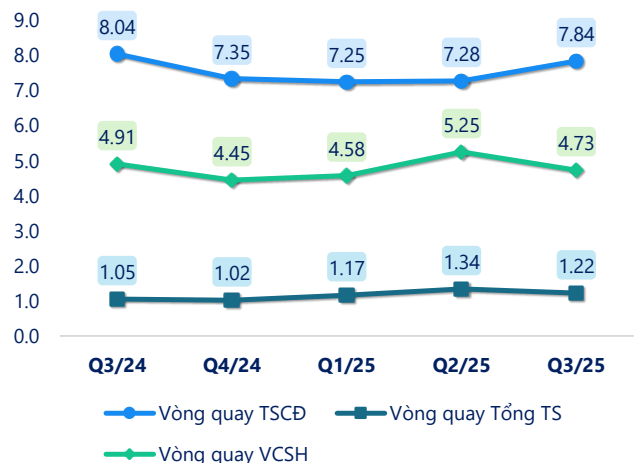
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	607	604	533	490	596
Tài sản ngắn hạn	444	440	388	358	464
Tiền và tương đương tiền	30.7	35.9	11.2	14.4	33.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0.50	0.69	0	0
Phải thu ngắn hạn	218	254	218	176	250
Hàng tồn kho	192	149	157	166	178
Tài sản ngắn hạn khác	2.52	0.46	0.35	1.52	2.07
Tài sản dài hạn	163	165	145	132	133
Phải thu dài hạn	28.5	30.4	29.0	28.8	35.0
Tài sản cố định	108	114	95.1	86.3	79.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.92	1.68	1.70	1.68	2.83
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	8.54	9.74	6.63	6.63
Tài sản dài hạn khác	9.31	9.82	9.46	9.09	8.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	456	448	379	352	437
Nợ ngắn hạn	403	397	336	310	395
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	228	253	187	249
Phải trả người bán ngắn hạn	115	79.5	31.1	30.1	57.1
Nợ dài hạn	53.3	51.3	43.1	41.9	41.9
Vay và nợ thuê dài hạn	50.6	51.2	40.2	40.2	40.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	151	156	154	138	159
Vốn chủ sở hữu	151	156	154	138	159
Vốn điều lệ	135	139	139	139	139
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)